

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình: Sửa chữa, cải tạo Khu liên kiểm
Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, huyện Quan Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Thanh Hóa về việc Chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, cải tạo Khu liên kiểm Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, huyện Quan Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7275/SXD-HĐXD ngày 30/9/2022 (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo Khu liên kiểm Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, huyện Quan Sơn với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, cải tạo Khu liên kiểm Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, huyện Quan Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III, thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế: 20÷50 năm.

3. Chủ đầu tư: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, huyện Quan Sơn.

5. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành.

6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

7. Mục tiêu đầu tư: Bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt cho lực lượng liên ngành và cán bộ, chiến sỹ bộ đội Biên phòng; đáp ứng yêu cầu kiểm soát xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh và công tác đối ngoại biên phòng.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

Cải tạo, sửa chữa nhà liên kiểm, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà làm việc, nhà ở của cán bộ, chiến sỹ; thảm sân bê tông nhựa (asphalt) và lát gạch; cải tạo cảnh quan cột mốc; lắp hàng rào, cải tạo cốt gác; xây mới khu vệ sinh công cộng, với các giải pháp cụ thể như sau:

8.1. Hạng mục: Cải tạo nhà làm việc cán bộ 01 tầng

- Lát lại nền nhà bằng gạch Granit kích thước 600x600mm. Khu vệ sinh lát lại bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm.
- Bóc lớp vữa trát trong và ngoài nhà; trát lại bằng VXM mác 75.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch men 300x600mm cao 2,1m.
- Bóc lớp trát Granito bậc tam cấp; lát lại bằng đá Granit.
- Phá dỡ ô thoáng phía trên cửa đi và cửa sổ; thay thế hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ; kính dày 6,38mm.
- Thay thế toàn bộ hệ thống hoa sắt cửa sổ.
- Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng.
- Thay toàn bộ thiết bị vệ sinh và đường ống cấp thoát nước.
- Đi lại hệ thống điện âm tường và thay mới các thiết bị điện, điều hòa; thiết kế mới hệ thống chống sét.
- Lợp lại mái tôn, sơn lại xà gồ mái.
- Bổ sung hệ thống PCCC bằng các bình bọt CO2; MFZ4.

8.2. Hạng mục: Cải tạo nhà liên kiểm 02 tầng

- Lát lại nền nhà tầng 1 và tầng 2 bằng gạch Granit kích thước 600x600mm. Khu vệ sinh lát lại bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm.
- Vị trí chân tường trong và ngoài nhà bóc lớp vữa trát; trát lại bằng VXM mác 75.
- Bóc lớp sơn cũ toàn nhà và sơn lại.
- Bóc lớp trát Granito bậc tam cấp; lát lại bằng đá Granit.
- Phá dỡ thang sắt hiện trạng, xây mới bậc tam cấp.
- Thay mới 01 cửa cuốn và lắp thêm 01 cửa nhôm hệ. Thay thế toàn bộ hệ thống cửa đi cửa sổ hiện trạng bằng cửa nhôm hệ; kính dày 6,38mm.

- Thay thế toàn bộ hệ thống hoa sắt cửa sổ.
- Sơn lại toàn bộ hệ thống lan can hành lang tầng 1.
- Thay toàn bộ thiết bị vệ sinh.
- Đi lại hệ thống điện âm tường và thay mới các thiết bị điện, điều hòa.
- Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng.
- Lợp lại mái tôn, sơn lại xà gồ mái.
- Làm lại hệ thống rãnh nước quanh nhà.

8.3. Hạng mục: Cải tạo nhà kiểm dịch 01 tầng

- Lát lại nền nhà bằng gạch Granit kích thước 600x600mm. Khu vệ sinh lát lại bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm.
- Bóc lớp vữa trát trong và ngoài nhà; trát lại bằng VXM mác 75.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch men 300x600mm cao 2,1m.
- Bóc lớp trát Granito bậc tam cấp; lát lại bằng đá Granit.
- Phá dỡ ô thoáng phía trên cửa đi và cửa sổ; thay thế hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ; kính dày 6,38mm.
- Thay thế toàn bộ hệ thống hoa sắt cửa sổ.
- Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng.
- Lợp lại mái tôn, sơn lại xà gồ mái.
- Thay toàn bộ thiết bị vệ sinh và đường ống cấp thoát nước.
- Đi lại hệ thống điện âm tường và thay mới các thiết bị điện, điều hòa; thiết kế mới hệ thống chống sét.
- Phá dỡ, xây mới bồn hoa.
- Bổ sung hệ thống chống sét mái và hệ thống PCCC bằng các bình bọt C02; MFZ4.

8.4. Hạng mục: Cải tạo nhà khách 1 tầng

- Lát lại nền nhà bằng gạch Granit kích thước 600x600mm. Khu vệ sinh lát lại bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm.
- Bóc lớp vữa trát trong và ngoài nhà; trát lại bằng VXM mác 75.
- Tường khu vệ sinh ốp gạch men 300x600mm cao 2,1m.
- Bóc lớp trát Granito bậc tam cấp; lát lại bằng đá Granit.
- Phá dỡ ô thoáng phía trên cửa đi và cửa sổ; thay thế hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ; kính dày 6,38mm.
- Thay thế toàn bộ hệ thống hoa sắt cửa sổ.

- Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng.
- Thay toàn bộ thiết bị vệ sinh và đường ống cấp thoát nước.
- Đi lại hệ thống điện âm tường và thay mới các thiết bị điện; thiết kế mới hệ thống chống sét.
- Phá dỡ, xây mới bồn hoa.
- Lợp lại mái tôn, sơn lại xà gồ mái.
- Bổ sung hệ thống PCCC bằng các bình bột CO₂; MFZ4.

8.5. *Hạng mục: Cải tạo nhà ăn và bếp*

- Lát lại nền nhà bằng gạch Granit kích thước 600x600mm.
- Bóc lớp vữa trát trong và ngoài nhà; trát lại bằng VXM mác 75.
- Bóc lớp trát Granito bậc tam cấp; lát lại bằng đá Granit.
- Phá dỡ ô thoáng phía trên cửa đi và cửa sổ; thay thế hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ; kính dày 6,38mm.
- Thay thế toàn bộ hệ thống hoa sắt cửa sổ.
- Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng.
- Thay mới hệ thống ống cấp, thoát nước và thiết bị lavabo.
- Đi lại hệ thống điện âm tường và thay mới các thiết bị điện; thiết kế mới hệ thống chống sét.
- Lợp lại mái tôn, sơn lại xà gồ mái.
- Bổ sung hệ thống PCCC bằng các bình bột CO₂, MFZ4.

8.6. *Hạng mục: Xây mới khu vệ sinh*

- Công trình có quy mô 1 tầng, mặt bằng hình nhật kích thước 8,0x7,5m (kích thước tính từ tim trục đến tim trục). Chiều cao tầng 1 là 3,6m, mái cao 2,3m. Tổng chiều cao công trình từ cos +0.00 đến đỉnh mái là 5,6m. Cốt nền so với cốt sân hoàn thiện là 0,45m. Mặt bằng công trình bố trí khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Nền hành lang lát gạch Granit kích thước 600x600mm. Nền phòng khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm. Tường xây gạch không nung VXM mác 50, trát tường trong nhà VXM mác 50, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75. Tường ốp gạch men kích thước 300x600mm cao 2,1m. Mái xây vì kèo thép, gác xà gồ thép và lợp tôn chống nóng.

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200. Dầm, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Móng dưới tường xây gạch VXM mác 75. Kết cấu khung BTCT chịu lực. Hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x400mm; 220x300mm. Tiết diện cột điển hình 220x220mm. Sàn BTCT dày 100mm.

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nhà kho liên kiểm bằng cáp loại Cu/PVC (2x2,5)mm². Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x1.5mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Cấp nước cho công trình được lấy từ nhà kho liên kiểm cấp đến téc nước trên mái sau đó cấp xuống các thiết bị WC. Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

8.7. Hạng mục: Cải tạo bốt gác (đường phía bên Việt Nam)

- Lát lại nền nhà bằng gạch Granit kích thước 600x600mm.
- Bóc lớp vữa trát trong và ngoài nhà; trát lại bằng VXM mác 75.
- Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng.
- Lắp đặt parie công số lượng 01.

8.8. Hạng mục: Cải tạo bốt gác (đường phía bên Lào)

- Lát lại nền nhà bằng gạch Granit 600x600mm.
- Bóc lớp vữa trát trong và ngoài nhà; trát lại bằng VXM mác 75.
- Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng.
- Lắp đặt parie công số lượng 01.

8.9. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật

- Thảm sân bê tông: diện tích 4350m², cấu tạo gồm: sân bê tông cũ, lưới sợi thủy tinh cường lực, bù vênh bằng bê tông nhựa hạt trung tưới nhựa dính bám, bê tông nhựa hạt trung dày 6cm.

- Sân gạch Terrazo diện tích 106m² cấu tạo gồm: bê tông lót đá 1x2 mác 150; vữa đệm mác 75 dày 2cm; gạch Terrazo.

- Sân bê tông: Diện tích 630m² cấu tạo gồm: sân bê tông cũ, lớp bê tông mới đá 1x2 mác 200 dày 8cm.

- Xây mới bó vỉa bồn hoa bằng gạch dài 188m.

- Phá dỡ tường rào hiện trạng thay thế mới bằng lan can sắt dài 75m.

- Lát lại nền khu cột mốc bằng đá Granit 500x500mm diện tích 93m²; lắp đặt đèn chiếu sáng.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 14.985.057.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng : 13.040.504.311 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 400.921.162 đồng;

- Chi phí tư vấn ĐTXD : 1.065.249.414 đồng;
- Chi phí khác : 155.807.609 đồng;
- Chi phí dự phòng : 322.574.615 đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Nguồn chi quốc phòng - an ninh trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

11. Hình thức quản lý dự án: Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7275/SXD-HĐXD ngày 30/9/2022.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định, phê duyệt.

2. Chủ đầu tư (Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(M1d118)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**Dự án: Sửa chữa, cải tạo Khu liên kiểm Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, huyện Quan Sơn***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị: đồng*

Stt	Nội dung chi phí	Tỷ lệ %	Hệ số	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	Chi phí xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán	12.000.034.779	1.040.469.532	13.040.504.311	Gxd
II	Chi phí quản lý dự án	3,341 %		Gxd trước thuế x tỷ lệ	400.921.162		400.921.162	Gqlđa
III	Chi phí tư vấn ĐTXD			(1)+(2)+... + (8)	964.082.793	76.166.621	1.065.249.414	Gtv
1	Chi phí lập Báo cáo KTKT	3,825%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	459.001.330	36.720.106	495.721.436	
2	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	0,251%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	30.120.087	2.409.607	32.529.694	
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,244%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	29.280.085	2.342.407	31.622.492	
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	0,415%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	49.800.144	3.984.012	53.784.156	
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,199%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	383.881.113	30.710.489	414.591.602	
6	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC	0,05%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	6.000.017		6.000.017	
7	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	0,05%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	6.000.017		6.000.017	
8	Chi phí thẩm định giá			Theo Hợp đồng			25.000.000	
IV	Chi phí khác			(1)+(2)+... + (5)	145.522.405	10.285.204	155.807.609	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	9.600.028	960.003	10.560.031	

Stt	Nội dung chi phí	Tỷ lệ %	Hệ số	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	2.847.161		2.847.161	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,378%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	28.306.773		28.306.773	
4	Chi phí kiểm toán độc lập	0,622%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	93.252.010	9.325.201	102.577.211	
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	3%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	11.516.433		11.516.433	
V	Chi phí dự phòng						322.574.615	Gdp
	Chi phí dự phòng	2,2%		(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			322.574.615	
	Tổng cộng						14.985.057.111	Gxdct
	Làm tròn						14.985.057.000	
<i>Bảng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn đồng./.</i>								